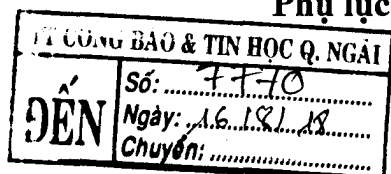


Số: 21 /2018/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc sửa đổi hệ số quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai quy định tại số thứ tự 1 Mục I Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2507/TTr-STNMT ngày 06/6/2018 về việc ban hành Quyết định sửa đổi hệ số quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai quy định tại số thứ tự 1 Mục I Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh và Báo cáo số 3633/BC-STNTM ngày 10/8/2018; ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 66/BC-STP ngày 09/5/2018.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi hệ số quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai quy định tại số thứ tự 1 Mục I Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh, như sau:

TT	Khoáng sản thành phẩm (thương phẩm)	Khoáng sản nguyên khai	Hệ số quy đổi ra khoáng sản nguyên khai	Ghi chú
I	Đối với đá làm vật liệu xây dựng thông thường (đá granit, granitogonai, đá gonai, đá banzan làm phụ gia xi măng)			
1	1 m <sup>3</sup> đá 1 x 2 cm	1,18 m <sup>3</sup>	1,18	Đá nguyên khai là đá sau nổ mìn, đá xô bồ (khoáng sản khai thác)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2018. Các nội dung khác tại Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh không sửa đổi tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế;
- Kiểm toán Nhà nước;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi; Đài PT-TH tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.Ng/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NNTN(Vũ 361).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng